

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH D.**

Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Xuân D** – Sinh năm: 1988.

Chức vụ: Giám đốc công ty TNHH D.

Trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: **Công ty TNHH L.**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Vy Trung V** - Sinh năm: 1982.

Chức vụ: Giám đốc công ty TNHH L.

Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về nghĩa vụ trả nợ: Công ty TNHH L có nghĩa vụ thanh toán cho công ty TNHH D số tiền còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán bột đá vôi trắng (CaCO₃) số: 06/2019/HĐNT/LV-DT ngày 23/3/2019, sổ chi tiết công nợ, hóa đơn và giấy thoả thuận xác nhận công nợ giữa hai bên, với số tiền nợ còn lại là **500.000.000**

đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về án phí: Công ty TNHH D và công ty L thỏa thuận mỗi bên chịu 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH L chịu **6.000.000 đồng** (Sáu triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH D chịu **6.000.000 đồng** (Sáu triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền **12.855.000^d** (Mười hai triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí trước đó. Trả lại cho công ty TNHH D số tiền **6.855.000^d** (Sáu triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại mà công ty TNHH D đã nộp theo biên lai thu số: 0001801, ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hà Văn Đông